

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường**  
**tỉnh Bắc Ninh 05 năm 2021-2025**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường năm 2014;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí, phương thức và đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ công thực hiện dự án Rà soát, bổ sung mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh 05 năm 2021-2025;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 454/TTr-TNMT ngày 26/10/2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh 05 năm 2021-2025, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.
2. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Bắc Ninh.
3. Mục tiêu và nội dung
  - 3.1. Mục tiêu
    - 3.1.1 Mục tiêu ngắn hạn
      - Tiếp tục theo dõi diễn biến chất lượng các thành phần môi trường tại các điểm quan trắc, khu vực quan trắc;
      - Tăng cường mật độ các điểm quan trắc môi trường tại các vùng trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội, các vùng sinh thái nhạy cảm với môi trường.
    - 3.1.2 Mục tiêu dài hạn
      - Nâng cấp và tiếp tục hoàn thiện mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh đảm bảo phản ánh đúng, kịp thời, khách quan diễn biến chất lượng các thành phần môi trường;
      - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ sở cho việc truyền, nhận số liệu quan trắc tự động, liên tục của tỉnh;

- Tăng cường xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng tài nguyên và môi trường đảm bảo tính hệ thống, logic, thường xuyên làm cơ sở dự báo tác động của sự phát triển kinh tế xã hội đến diễn biến chất lượng môi trường;
- Hoàn thiện cơ bản mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh, hội nhập mạng lưới quan trắc tài nguyên môi trường quốc gia.

### 3.2. Nội dung

#### 3.2.1. Tổng số vị trí, tần suất quan trắc của từng thành phần môi trường

Môi trường nước mặt 48 vị trí, tần suất quan trắc 6 lần/năm;

Môi trường nước thải 39 vị trí, tần suất quan trắc 6 lần/năm;

Môi trường đất, trầm tích 30 vị trí, tần suất quan trắc 2 lần/năm;

Môi trường không khí 54 vị trí, tần suất quan trắc 6 lần/năm.

#### 3.2.2. Thông số quan trắc

- Môi trường nước mặt: nhiệt độ, pH, DO, độ đục, TDS, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, amoni, nitorit, nitorat, clorua, photphat, As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Mn, Hg, Fe, tổng dầu mỡ, coliform;

- Môi trường nước thải:

+ Nước thải công nghiệp: pH, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, As, Hg, Zn, Cd, Pb, Cu, Cr(VI), Fe, Mn, dầu mỡ khoáng, sunfua, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, clorua, coliform, vận tốc;

+ Nước thải sinh hoạt: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, TDS, sunfua, amoni, dầu mỡ động thực vật, photphat, coliform;

- Môi trường đất, trầm tích:

+ Mẫu đất, trầm tích: pH, As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn, Nt, Pt;

+ Mẫu đất nông nghiệp: pH, As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn, Nt, Pt, thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ và photpho hữu cơ

- Môi trường không khí: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, tiếng ồn, TSP, bụi PM10, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

4. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./

#### Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN, KTTH, XDCB.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải